

HỘI ÁI HỮU BIÊN HOÀ

Website: <https://www.bienhoatx.com>

Email liên lạc: datlam1951@yahoo.com

Hội Ái Hữu Biên Hoà hân hạnh giới thiệu đến quý vị phần biên khảo tổng quát về **Lịch Sử Biên Hoà (1558-1975)** từ phần **1** đến **33** của đồng hương **Nguyễn Văn Đáng**, được khởi đăng trên diễn đàn. Hội chân thành cảm tạ tác giả. Kính mời quý vị.

Trân trọng.



LỊCH SỬ BIÊN HOÀ
(1558-1975)
PHẦN 9

Việt Nam Thuộc Pháp

Sau khi chiếm trọn miền Nam, quân Pháp dồn tất cả mọi lực lượng tiến ra đánh miền Bắc. Ngày 08 tháng 5, Nhâm Ngọ (1882), Đại Tá Pháp là Henty Rivière chỉ huy quân đội Pháp tấn công thành Hà Nội. Sau mười một giờ chống cự, không giữ được thành, tướng giữ thành là Hoàng Diệu, treo dây lên cành cây thắt cổ, tự vận.

Trong khi việc nước đang nhiều bối rối với giặc Pháp, thì vua Dục Tông (Tự Đức) mất, vào ngày 16 tháng 6 năm Quý Mùi (1883), năm 55 tuổi.

Triều Nhà Nguyễn truyền ngôi đến đời vua Tự Đức (Dục Tông) thì mất hết quyền tự chủ, các vị vua kế nghiệp đều là vị thành niên. Vua Tự Đức không có con nối nghiệp, có nhận người cháu làm con nuôi là Dục Đức, thay vì là người kế vị vua cha, nhưng triều đình lúc bấy giờ các quan đại thần, thay di chiếu của vua Tự Đức, phế Dục Đức đem em của vua Tự Đức là Lạng Quốc Công lên ngôi vua, lấy hiệu là Hiệp Hoà (1883).

Vua Hiệp Hoà vừa lên ngôi, thì quan Toàn Quyền Pháp đến Hải Phòng, rồi sai Thiếu Tướng Hải Quân Courbet đem quân đánh lấy cửa biển Thuận An, một mặt sai Thiếu Tướng Lục Quân Bouret tiến đánh lấy đồn Phủ Hoài, buộc triều đình phải nhận sự bảo hộ của nước Pháp.

Triều đình thấy nguy cấp, liền sai quan ra xin hoà. Quan Toàn Quyền Pháp bắt buộc quân ta phải giải tán binh tất cả mọi nơi trong nước mới chịu nghị hoà. Quan Toàn Quyền Harmand và ông De Champeaux cùng với quan Trần Đình Trúc và Nguyễn Trọng Hợp cùng ký Hoà Ước Năm Quý Mùi (1883). Nước Việt

Nam phải chịu nhận nước Pháp bảo hộ, có mọi việc giao thiệp với ngoại quốc, phải do nước Pháp chủ trương, quyết định.

Vua Hiệp Hoà chỉ muốn nhờ chánh sách bảo hộ để yên ngôi vua, trong triều các quan không đồng ý, bèn đi tâu với bà Từ Dụ Thái Hậu xin phế vua, lập người con nuôi thứ ba của vua Tự Đức (Dục Tông) lên ngôi. Vua Hiệp Hoà bị ép uống thuốc độc mà chết. Vua Hiệp Hoà làm vua được hơn 4 tháng thì bị phế đế, lúc được 36 tuổi.

Ngày Mồng 7 tháng 10 năm Quý Mùi (1883), ông Dưỡng Thiện, huý là Ứng Đăng, lên ngôi làm vua, đặt niên hiệu là Kiến Phúc, lúc bấy giờ nhà vua mới có 15 tuổi. Mọi việc triều chánh do ở các quan đại thần phụ chánh Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết, chuyên quyền quyết định.

Đến ngày Mồng 6 tháng 6 năm Giáp Thân (1884), hai ông Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết ký “Hòa Ước” mới với hai quan Pháp là Patenôtre và Rheinart, để tu chỉnh “Hòa Ước” Giáp Tuất (1874) có 19 khoản, chỉ đổi lại mấy khoản nói về các tỉnh Bình Thuận và 3 tỉnh là Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá thuộc về miền Trung.

Hòa Ước Giáp Thân mà triều đình vừa ký với Pháp tại Huế để công nhận sự bảo hộ của nước Pháp, buộc phải đem dấu “Ấn” của vua ra, bỏ vào lò lửa nấu chảy, huỷ diệt.

Từ đó chánh phủ Pháp chia nước Việt Nam thành 3 Kỳ là Bắc Kỳ, Trung Kỳ, và Nam Kỳ. Ba Kỳ tuy tập quán mỗi nơi có khác nhau, nhưng ngôn ngữ tiếng nói là một. Mọi quyền quyết định ở 3 kỳ đều do chính phủ Pháp quyết định tất cả.

Vua Kiến Phúc lên ngôi được sáu tháng, đến ngày mùng 6 tháng 4 năm Giáp Thân (1884) phải bạo bệnh mà qua đời. Ông làm vua được 8 tháng, mất lúc 16 tuổi.

Sau khi vua Kiến Phúc qua đời, các đại thần phụ chánh Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết sợ mất quyền lực và để dễ bề sai khiến, cho nên chọn người nhỏ tuổi kế vị là Ứng Lịch, mới 12 tuổi là em của ông Chánh Mông, lên làm vua. Đặt niên hiệu là Hàm Nghi.

Quân Pháp biết tin, gửi thư sang triều đình Huế, trách là vi phạm “Hoà Ước” (1884), bắt triều đình phải xin lỗi và phải mời quan Khâm Sai đại diện Toàn Quyền Pháp đến chứng nhận mới công nhận vua. Nhưng các đại thần Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết cứ tự tiện lập ngôi vua, không báo cho quan Khâm Sai nước Pháp.

Tham mưu đại tá của Pháp là Guerrier, được lệnh đem 600 quân và đội pháo binh vào đánh Huế. Thừa dịp Pháp chiếm luôn Huế đô, Tôn Thất Thuyết dẫn vua Hàm Nghi chạy vô vùng Quảng Trị, rồi trốn trong rừng núi Quảng Bình Hà Tĩnh, gây dựng và cầm đầu kháng chiến chống Pháp, sử gọi là “Kháng Chiến Cần Vương”.

Tại Huế, Pháp lập Chánh Mông, anh ruột của vua Hàm Nghi là Ứng Kỳ lên thay, lấy hiệu là vua Đồng Khánh (1888).

Do sự phản bội của cận thần, vua Hàm Nghi bị Pháp bắt, ngày 26 tháng 9 năm Mậu Tý (1888), sau đó bị đày sang nước Algérie (Châu Phi), một nước thuộc địa của Pháp. Ông mới được 16 tuổi. Tháng 11 năm 1904, vua kết hôn với cô Marcelle, người con

gái của một vị thẩm phán người Pháp, ở tại Algerie, họ sinh được một Hoàng Tử là Minh Đức, và hai công chúa là Như Mai và Như Lý.

Vua Hàm Nghi mất ngày 14 tháng 1 năm 1943, được an táng tại Château de Losse, Thornac, Dordogne, Pháp. Hiện tại Ngài được thờ trong Thế Miếu, Đại Nội, Huế, Việt Nam.

Vua Hàm Nghi là một trong 3 vị vua trẻ tuổi của nhà Nguyễn đã thể hiện lòng yêu nước, bằng thái độ không chịu khuất phục trước uy quyền của chế độ bảo hộ Pháp. Lịch sử đánh giá Ngài là một vị vua “Anh Hùng”.

(Tiếp theo phần 10)